

Hiện tượng gian lận thuế giá trị gia tăng

Nguyên nhân và biện pháp khắc phục

TS. NGUYỄN HỒNG THẮNG

Gian lận thuế không chỉ xuất hiện riêng tại Việt Nam và tương đối phức tạp. Hiện tượng này có nguyên nhân từ khía cạnh đạo đức, trình độ dân trí, trình độ cán bộ nghiệp vụ, phương tiện kỹ thuật và một phần không nhỏ xuất phát từ sự buông lỏng pháp luật. Do đó, chống gian lận và chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng là một quá trình đòi hỏi tổng hợp nhiều yếu tố: ý chí kiên quyết, nghiệp vụ tinh thông, lòng kiên nhẫn, sự khôn khéo và tế nhị và công tác quần chúng thích hợp. Hỗ trợ cho những yếu tố này là hành lang pháp lý rõ ràng, kịp thời và cứng rắn.

Kể từ khi ban hành cho đến nay, thuế giá trị gia tăng luôn thu hút sự quan tâm đặc biệt của mọi giới, nhất là các nhà kinh doanh lớn và nhỏ. Tác động tích cực do thuế giá trị gia tăng mang lại rất rõ: Thu ngân sách nhà nước không giảm mà còn tăng nhiều so với thuế doanh thu; hoạt động sản xuất – kinh doanh ngày càng đi vào khuôn khổ hơn; hoạt động xã hội diễn ra bình thường; xuất khẩu được khuyến khích mạnh mẽ; và sản xuất nội địa được gia tăng áp lực bảo hộ. Bên cạnh đó, một hiện

tượng tiêu cực khá nghiêm trọng nảy sinh trong quá trình thực thi thuế giá trị gia tăng là gian lận và chiếm đoạt tiền thuế. Bài viết này không đề cập đến các hình thức chiếm đoạt thuế mà tập trung thảo luận những nguyên nhân của hiện tượng này và đề nghị một số biện pháp khắc phục.

1. Nguyên nhân

1.1. Tính mới của thuế giá trị gia tăng.

Tính mới của thuế giá trị gia tăng thể hiện ở những điểm: Cơ sở tính thuế là giá trị gia tăng chứ không phải doanh thu hay lợi nhuận; hai phương pháp tính áp dụng riêng cho hai đối tượng nộp; quy trình thu và quản lý thuế mang tính công nghệ; diện chịu thuế với thuế suất 0% khác cơ bản diện không chịu thuế; giá tính thuế khác với giá mà người mua thanh toán; khấu trừ thuế khác nhau giữa các mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng và mặt hàng không chịu thuế giá trị gia tăng; hóa đơn giá trị gia tăng và hóa đơn thường... Khái niệm thuế giá trị gia tăng đầu vào, thuế giá trị gia tăng đầu ra và đặc biệt là thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng 0 đồng còn quá mới mẻ đối với người kinh doanh. Những điểm nói trên không chỉ mới đối với người nộp mà đối với cả cơ quan thu thuế. Tất nhiên, cái gì mới thoát đầu sẽ được hiểu một cách lệch lạc, thậm chí bị một số cá nhân xấu lợi dụng.

1.2. Cơ sở kế toán quốc dân chưa hình thành hoặc chưa được chuẩn bị.

Đại bộ phận cơ sở kinh doanh quy mô dưới doanh nghiệp tư nhân không quan tâm đến chế độ kế toán quốc dân mà phản ánh hoạt động kinh doanh theo logic thô sơ. Nguy hiểm hơn là họ cho rằng sổ sách kế

toán là công cụ của cơ quan nhà nước kiểm tra, kiểm soát họ mà không nghĩ rằng sổ sách, tài khoản, chứng từ,... là những phương tiện căn bản giúp họ tiếp cận hoạt động kinh doanh một cách hệ thống để đánh giá, đo lường và phân tích kết quả kinh doanh cũng như dự báo tương lai. Thêm nữa, nền kinh tế Việt Nam vẫn là nền kinh tế tiền mặt. Mọi thanh toán và giao dịch đều có thể dùng tiền mặt: tiền Việt, vàng và ngoại tệ (chủ yếu là USD). Điều này được các doanh nghiệp khai thác lập bộ hồ sơ thanh toán khống; đồng thời cơ quan thuế cũng khó phát hiện để ngăn chặn kịp thời.

1.3. Sự lúng túng của những cơ quan chức năng.

(i) Thể hiện rõ nét nhất là quá nhiều văn bản được ban hành. Chỉ trong một thời gian ngắn, năm 1999, Chính phủ và Bộ tài chính cho ra đời hàng trăm văn bản liên quan đến thuế giá trị gia tăng. Hay là quý 4 năm 2002, Chính phủ và Bộ tài chính liên tiếp ban hành nhiều nghị định, thông tư liên quan đến khấu trừ thuế. Điều này gây ra những mâu thuẫn trong điều hành và thực hiện. (ii) Bên cạnh đó là cơ chế mà công luận gọi là “xin – cho”: xin được hưởng thuế suất thấp hơn, xin được nộp thuế 0%, xin mở rộng diện khấu trừ theo tỷ lệ tính trên giá mua không có hóa đơn giá trị gia tăng, v.v.... (iii) Ngoài ra, việc áp dụng đồng thời hai phương pháp tính cho hai loại đối tượng nộp thuế gây nhiều tổn kém và cản trở sự vận hành của thuế giá trị gia tăng trên phạm vi toàn nền kinh tế – xã hội. (iv) Sự lúng túng lên đến đỉnh điểm khi hiện tượng gian lận thuế xuất hiện nhưng cơ quan thuế, hải quan, công an (bộ phận điều tra) và Viện kiểm sát chưa chọn được

cách thức phối hợp để chống hoặc xử phạt một cách hữu hiệu.

1.4. Yếu kém trong dự báo và thiếu đánh giá tác động của chính sách.

Điển hình là quy định cho phép các doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được khấu trừ thuế đầu vào không căn cứ vào hóa đơn GTGT cho một số trường hợp. Tỷ lệ khấu trừ tính trên giá mua ban đầu là 5% và 3%, tiếp theo là 5%, 4% và 3%, rồi giảm còn 3% và 2%, đến tháng 10 năm 2002 là 1%. Diện được hưởng khấu trừ thoát tiền không áp dụng cho xuất khẩu, sau đó, mở rộng cho xuất khẩu. v.v.... Quy định trên nhằm khuyến khích doanh nghiệp tiêu thụ hàng của nông dân, góp phần thúc đẩy khu vực nông nghiệp phát triển. Đó là một chủ trương đúng. Nhưng khi thi hành thì không dự báo được tác động ngoại ý của nó. Vì vậy làm nảy sinh hiện tượng lập chứng từ không trung thực để chiếm đoạt tiền hoàn thuế giá trị gia tăng. Đến khi tình hình chiếm đoạt tiền thuế bùng phát thành phong trào và gây ra những hậu quả nặng nề thì Chính phủ và Bộ tài chính cất ngay điều khoản này (1) mà không để ý rằng có không ít doanh nghiệp chân chính bị "vạ lây". Cách hành xử đó khiến dân chúng mất niềm tin chính sách thuế mới, và, doanh nghiệp lương thiện nghi ngờ cách thức và năng lực điều hành nền kinh tế của Chính phủ.

1.5. Thiếu quyết liệt trong xử phạt.

Theo lời của Bộ trưởng Bộ tài chính Nguyễn Sinh Hùng, ở Trung Quốc đã xử tử 60 phạm nhân liên quan đến hoàn thuế (2). Thế nhưng ở nước ta chưa tử hình tội phạm nào cả, thậm chí xử tử 20 năm cũng chưa có. Theo Thời báo tài chính Việt Nam (3), dẫn nguồn tin từ Tổng cục thuế, mức phạt cao nhất là 100 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm chế độ sử dụng hóa đơn như: lập hóa đơn chênh lệch giữa các liên; dùng hóa đơn khống, hóa đơn giả và hóa đơn không còn giá trị; tẩy xóa nội dung các chỉ tiêu của hóa đơn đã sử dụng. Trên thực tế, thiệt hại do sử dụng hóa đơn

Công bố danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm công trình quy đổi

Ngày 24 tháng 2 năm 2003, Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước đã ra Quyết định số: 02/2003/QĐ-HĐGSNN về danh mục các tạp chí khoa học được tính điểm công trình quy đổi khi xét đề nghị công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Theo quyết định này tạp chí Phát triển kinh tế được xếp vào 1 trong 9 tạp chí khoa học trong nước được tính điểm công trình quy đổi từ 0 đến 1. Ngoài ra có 35 tạp chí khác được tính điểm công trình từ 0 đến 0,5. Các tạp chí khoa học chuyên ngành nước ngoài có uy tín (in bằng 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc) cũng có số điểm công trình từ 0 đến 1.

Quyết định nói trên đã góp phần tăng cường hơn nữa trách nhiệm và uy tín của tạp chí đối với xã hội cũng như yêu cầu phải nâng cao chất lượng các bài viết trên tạp chí.

không trung thực khiến Nhà nước thất thoát hàng trăm tỷ đồng. Có vụ, một cá nhân chiếm đoạt nhiều tỉ đồng tiền thuế. Nếu không trị quyết liệt thì luật pháp không còn khiến người ta sợ. Do đó, tình hình phạm tội liên quan đến thuế giá trị gia tăng, mặc dù đã được công luận cảnh báo cơ quan chức năng, vẫn tiếp diễn nhanh, đa dạng, tinh vi và ngày càng lớn về số tiền thuế chiếm đoạt. Một điều rất đáng ngại là ngay cả cơ quan điều tra của Bộ công an lẫn Viện kiểm sát đều cho rằng khó định danh hành vi phạm pháp.

1.6. Sự thoái hóa của một số cán bộ thuế và hải quan.

Không hiếm trường hợp chính công chức thu ngân sách gợi ý và tiếp tay cho một số cá nhân ăn cắp tiền thuế (4). Chủ trương xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới bị lợi dụng với sự tiếp sức của một vài nhân viên thuế biến chất. Để thu một tỉ đồng thuế, nhiều cán bộ, nhân viên phải nỗ lực phần đầu trong thời gian có khi cả năm. Thế nhưng chỉ cần hai ba phần tư thoái hóa cũng đủ gây thất thoát nhiều lần hơn trong thời gian ngắn. Điều này khiến cho hình ảnh về cơ quan thuế dưới con mắt doanh nghiệp và dân chúng bị hoen ố.

1.7. Thiếu phương tiện kỹ thuật hỗ trợ.

Không gian của hoạt động kinh

doanh thường rộng lớn. Một doanh nghiệp ở Cà Mau có thể mua bán với các doanh nghiệp ở Lạng Sơn, Gia Lai hoặc Bình Phước, và cũng có thể xuất khẩu thông qua nhiều cửa khẩu. Vì vậy, thông tin về lô hàng của từng đợt xuất nhập khẩu phải được phối kiểm trên phạm vi cả nước chứ không chỉ gói gọn tại một địa phương. Trong khi đó, thời gian xét hoàn thuế lại ngắn, nên cơ quan thuế không đủ sức thẩm tra toàn bộ chứng từ cũng như lai lịch của các bên có liên quan. Điều này dễ gây ra những sai sót không chủ ý và xảy ra những sai lệch khi hoàn thuế. Ngay công tác kiểm tra sau thông quan cũng khó mang lại kết quả tốt vì thiếu hệ thống điện toán toàn diện, thiếu máy kiểm tra chuyên dùng, camera, cân điện tử,...(5)

1.8. Sự yếu kém về mặt nhận thức của một bộ phận khá lớn công chúng và thói quen mua hàng lấy hóa đơn chưa hình thành.

(i) Có nhiều trường hợp được quy tội gian lận thuế không do chủ ý của cá nhân kinh doanh mà do hiểu không đúng các quy định của thuế. Xét dưới khía cạnh người tiêu dùng, bản thân họ tiếp tay một cách vô ý cho doanh nghiệp gian dối khi mua hàng không lấy hóa đơn. Hơn nữa họ cũng không có động cơ giữ hóa đơn. Vì vậy, nếu được người bán đề nghị



Ảnh: Hòa Tấn

không lấy hóa đơn để khỏi mất thêm 10% tiền thì họ đồng ý ngay. (ii) Ý niệm trọng thuế chưa hiển hiện trong nhận thức của công chúng. Họ chưa ngộ rằng trốn thuế chính là ăn cắp một phần của cải của chính mình nên không xem chống trốn thuế là một trong các quyền và nghĩa vụ công dân.

2. Biện pháp khắc phục

Đầu tháng 12 năm 2002, Bộ tài chính thành lập Ban chỉ đạo thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng bị gian lận gồm 10 thành viên do Tổng cục trưởng Tổng cục thuế làm trưởng ban. Theo suy nghĩ cá nhân, đây là một biện pháp giải quyết sự việc đã xảy ra chứ không phải ngăn ngừa sự việc chưa xảy ra. Bất kỳ nguyên nhân nào đã tạo thành hiện tượng thì sự biến hóa của các hiện tượng rất khó lường. Nếu chỉ chữa trị triệu chứng thì đến bao giờ mới khỏi?

Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chủ yếu của hiện tượng gian lận và chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng nói riêng và các sắc thuế khác nói chung là sự không biết hoặc biết nhưng không sợ pháp luật. Vì vậy, biện pháp cơ bản là xây dựng pháp luật thuế nói riêng và hệ thống pháp luật nói chung mạnh đủ để buộc mọi tổ chức và cá nhân tuân thủ vô điều kiện, và trừng trị nghiêm khắc mọi vi phạm.

Cụ thể, chúng tôi chia các biện

pháp thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất gồm những biện pháp thuộc về quan điểm và chính sách chung. Nhóm thứ hai là những biện pháp thuộc nghiệp vụ.

2.1. Biện pháp thuộc về quan điểm và chính sách chung

2.1.1. Kiên định thực thi thuế giá trị gia tăng. Đây là một loại thuế tiên tiến và có độ khó, nên không thể hoàn thiện một sớm một chiều. Mọi ý niệm bàn lùi phải được dập tắt ngay từ trong suy nghĩ. Ngay một số nước có trình độ phát triển hơn Việt Nam cũng phải trải qua từ 3 đến 5 năm để hoàn thiện. Theo thời gian, những khó khăn không thuộc bản chất sẽ được sửa chữa.

2.1.2. Trừng trị thẳng tay những kẻ chiếm đoạt tiền thuế, kể cả sử dụng hình phạt tử hình. Tại sao không thể tử hình những trường hợp nghiêm trọng? Đầu năm 2003, cơ quan công an phát hiện một vụ buôn lậu lớn tại Thành phố Hồ Chí Minh (6). Số tiền thuế bị gian lận quý một năm 2001 ước tính lên đến 20 tỉ đồng. Con số cả năm sẽ còn lớn hơn. Số tiền thuế bị chiếm đoạt một quý có thể xây được bốn trường tiểu học hoặc có thể cho 4.000 hộ vay 5 triệu đồng/hộ để tạo công ăn việc làm hoặc có thể xây 1.000 cây cầu ở vùng sâu, vùng xa hoặc nhiều công trình khác. Thuế là tiền của dân, của Nhà nước. Chiếm đoạt thuế là ăn cắp của cải xã hội. Vậy phải xét xử theo Luật

hình sự, chứ không phạt hành chính.

2.1.3. Thường xuyên chú trọng công tác rèn luyện phẩm chất và nghiệp vụ cho công chức ngành thuế, hải quan. Trong hành xử công việc hàng ngày, phẩm chất tốt sẽ tạo nên sự vững vàng, kiên quyết và nghiệp vụ tinh thông sẽ tạo ra sự khéo léo, tế nhị. Chính con người chứ không phải cái gì khác làm nên cơ chế. Do đó, bên cạnh công tác bồi dưỡng, cần chú ý đến việc nâng cao thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ, nhân viên trong ngành nói riêng và toàn thể công chức nói chung.

2.1.4. Luôn tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về thuế cho mọi đối tượng. (i) Người tiêu dùng là một thành viên quan trọng của chu trình thuế giá trị gia tăng và chính họ là người đảm bảo thành công cho sắc thuế này. Chúng tôi cho rằng không nên đối xử họ như người chịu thuế đơn thuần mà là đối tác trong quá trình thực hiện thuế giá trị gia tăng và mọi loại thuế khác. Cần coi trọng công tác giáo dục ý thức thuế trong dân chúng. Đó phải là một nhiệm vụ cơ bản và thường xuyên của hoạt động dân vận. Chỉ khi người dân đã thấy được chiếm đoạt tiền thuế nhà nước cũng là ăn cắp tiền của chính mình và căm ghét kẻ trốn thuế như căm ghét tên ăn trộm thì lúc đó chiến dịch chống gian lận thuế mới có thể thành công. (ii) Phải có kế hoạch chuẩn bị tâm lý cho công chúng khi thực thi một chính sách thuế mới. Theo chúng tôi, thời gian để ổn định tư tưởng công chúng càng dài càng tốt. (iii) Các thông tin về thuế phải được cập nhật nhanh chóng trên mạng và hoàn toàn miễn phí. Những thông tư cơ bản phải được chuyển đến mọi đối tượng nộp thuế theo mức giá chỉ bao gồm chi phí in và lưu thông. Tránh tình trạng kinh doanh văn bản nhà nước. (iv) Gắn thuế với phúc lợi cộng đồng để người dân thấy được chính số tiền mà mình nộp cho Chính phủ sẽ quay trở lại một cách gián tiếp thông qua những công trình như: cơ sở hạ tầng, môi trường, khu giải trí, trường học, bệnh viện, dịch vụ công,....

2.1.5. Phải dự báo được những tác động ở mọi khía cạnh có thể có

của việc thay đổi chính sách và phải công bố những tác động này. Ví dụ, Bộ tài chính và Tổng cục thuế phải dự báo bằng những số liệu cụ thể khi nâng thuế suất của thuế nhập khẩu đối với linh kiện ô tô: Giá thành và giá bán sản phẩm sẽ tăng bao nhiêu? Sản lượng cung cấp ra thị trường thay đổi như thế nào? Thuế nhập khẩu tăng bao nhiêu phần trăm; thuế giá trị gia tăng, theo đó, cũng tăng thêm bao nhiêu phần trăm? Đặc biệt hơn cả là phản ứng của các doanh nhân như thế nào trước thay đổi chính sách? Chính phủ và Bộ tài chính cần hạn chế tối đa tình trạng văn bản sau phủ định văn bản trước chỉ trong thời gian ngắn (7). Điều này không chỉ tạo tâm lý bất an cho doanh nhân mà tạo kẽ hở sinh ra một hình thức kinh doanh ăn xối ở thì mới: kinh doanh chính sách, kinh doanh cơ chế.

2.2. Biện pháp thuế về nghiệp vụ

2.2.1. Chuyển các hộ kinh doanh nhỏ ra khỏi diện chịu thuế giá trị gia tăng để quá trình vận hành của thuế thông suốt và sử dụng duy nhất một phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ. Đối với các hộ này, áp dụng một loại thuế tương tự thuế doanh thu trước đây. Như vậy, họ có hai loại thuế để chọn lựa. Nếu họ chọn thuế giá trị gia tăng thì phải tuân thủ đúng quy trình, chế độ hóa đơn chứng từ và chế độ kế toán. Để khuyến khích khu vực kinh doanh nhỏ tham gia thuế giá trị gia tăng, cần giảm 50% thuế phải nộp trong một vài năm đầu tiên.

2.2.2. Thu hẹp khoảng cách các mức thuế suất. Đề nghị chỉ sử dụng hai mức thuế suất: 0% cho hàng hóa xuất khẩu và 10% cho mọi loại hàng bán nội địa. Hiện nay, thuế giá trị gia tăng có bốn mức thuế suất, trong đó thuế suất 20% áp dụng cho: (i) vàng, bạc và đá quý; (ii) vé xổ số kiến thiết; (iii) đại lý tàu biển; và (iv) dịch vụ môi giới. Hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết chuyển sang diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Tất cả hàng hóa, dịch vụ còn lại nếu bán nội địa sẽ chịu thuế suất 10%. Thuế suất thống nhất sẽ góp phần bị được những kẽ hở do chênh lệch thuế suất gây ra.

2.2.3. Cho phép một cách rộng rãi các doanh nghiệp tự in và tự chịu trách nhiệm về hóa đơn của mình. Năm qua, Bộ tài chính đã thí điểm cho một số doanh nghiệp tự in hóa đơn và kết quả thu được là rất tốt. Vì vậy, Bộ nên cho phép làm thật mà không nên thí điểm nữa. Bên cạnh đó, cơ quan chức năng cần kiểm tra tuân thủ chế độ kế toán, sổ sách, chứng từ tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời chuẩn hóa kế toán viên tại cơ sở kinh doanh bất kể quy mô nào.

2.2.4. Khuyến khích cá nhân đòi hóa đơn khi mua hàng. Có thể khẳng định rằng hóa đơn là khâu then chốt bảo đảm thành công khi áp dụng thuế giá trị gia tăng. Hiện nay có nhiều ý kiến quay xối sổ thường hóa đơn. Chúng tôi nhất trí ý kiến đó. Nhưng cần phải phổ biến, tuyên truyền rộng rãi chủ trương này trên phạm vi cả nước và đề nghị phải tiến hành quay xối ở những năm đầu tiên. Bên cạnh đó, lồng ghép chế độ hóa đơn với việc khấu trừ chi phí cá nhân trong quá trình thực thi thuế thu nhập cá nhân. Chỉ như thế, người tiêu dùng mới có động cơ đòi và giữ hóa đơn mua hàng.

2.2.5. Kiểm tra sau thông quan nên được tiến hành theo kiểu chọn mẫu và ngay khi có dấu hiệu vi phạm. Theo quy định hiện hành, cơ quan hải quan thông báo quyết định kiểm tra sau thông quan bằng văn bản trước 5 ngày cho doanh nghiệp. Thời gian này tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp "thu xếp" và tang chứng sẽ bị che mờ nhiều.

2.2.6. Phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan hữu quan: thuế, hải quan, công an và viện kiểm sát. Tránh tình trạng "đùn đẩy", khiến doanh nhân nghĩ rằng nộp thuế thì dễ mà nhận lại một đồng thuế hoàn thì quá khó. Tức là nảy sinh hiện tượng không công bằng trong quan hệ thu - nộp. Mặt khác, tình trạng thiếu phối hợp làm tăng cao nguy cơ để lọt hành vi gian lận thuế.

Tóm lại, gian lận thuế không chỉ xuất hiện riêng tại Việt Nam và tương đối phức tạp. Hiện tượng này có nguyên nhân từ khía cạnh đạo

đức, trình độ dân trí, trình độ cán bộ nghiệp vụ, phương tiện kỹ thuật và một phần không nhỏ xuất phát từ sự buông lỏng pháp luật. Do đó, chống gian lận và chiếm đoạt tiền thuế giá trị gia tăng là một quá trình đòi hỏi tổng hợp nhiều yếu tố: ý chí kiên quyết, nghiệp vụ tinh thông, lòng kiên nhẫn, sự khôn khéo và tế nhị và công tác quần chúng thích hợp. Hỗ trợ cho những yếu tố này là hành lang pháp lý rõ ràng, kịp thời và cứng rắn.

Cùng với hiện tượng thất thoát lớn trong lĩnh vực đầu tư cơ bản, gian lận thuế không chỉ gây thiệt hại về mặt vật chất mà bào mòn lòng tin của dân chúng đối với Nhà nước và tạo ra những tiền lệ xấu khiến nhiều kẻ bất lương. Càng ngày, các vụ gian lận thương mại càng gia tăng cả về số vụ lẫn quy mô nếu không chống gian lận thuế quyết liệt thì trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực tài chính công khó vẫn hồi. Trên ý nghĩa đó, chống gian lận thuế còn là một khía cạnh của chủ trương lập lại kỷ cương phép nước và phải làm ngay, làm triệt để ■

CHÚ THÍCH

(1) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, chỉ khấu trừ 1% cho duy nhất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ sở thương mại mua của cơ sở sản xuất để bán (Thông tư 116/2002/TT-BTC, ngày 25.12.2002 của Bộ tài chính).

(2) Thời báo tài chính Việt Nam số 144 (885), Thứ Hai ngày 2.12.2002, trang 4.

(3) Thời báo tài chính Việt Nam số 143 (884), Thứ Sáu ngày 29.11.2002, trang 4.

(4) Vụ Công ty TNHH thương mại Việt Hùng trốn hơn 40 tỉ đồng tiền thuế có sự tiếp tay của cán bộ hải quan TP. HCM (Báo Pháp luật số 308 (1838), ngày 25 tháng 12 năm 2002, trang 7).

(5) "Kiểm tra sau thông quan: Những vấn đề đặt ra", Thời báo tài chính Việt Nam số 152 (893), ngày 20 tháng 12 năm 2002, trang 6.

(6) Vụ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ viễn thông Đông Nam tại TP Hồ Chí Minh.

(7) Dẫn chứng: (i) quyết định của Chính phủ không cho nhập linh kiện sản xuất xe gắn máy chỉ tồn tại không đầy hai tháng, từ tháng 9 năm 2002 đến tháng 10 năm 2002; (ii) Quyết định 146 ngày 4 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ tài chính về điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng trong đó chủ yếu là linh kiện sản xuất ô-tô chưa đầy một tháng đã bị ngừng thực hiện.

(8) Nghị định 102 của Chính phủ.